TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:85/2024/DS-PT
Ngày: 17-01-2024
V/v: Tranh chấp về xác định ngõ đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Bùi Văn Biền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2023/TLPT-DS ngày 10tháng 11 năm 2023 về tranh chấp xác định ngõ đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số133/2024/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 01năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Trung H, sinh năm 1971; Nơi thường trú: Xóm 2, Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Trung Ch, sinh năm 1973; Nơi thường trú: Xóm 2, Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1943;

2. Anh Đỗ Trung T, sinh năm 1968;

3. Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1972;

Cùng nơi thường trú: Xóm 6, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

4. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1946; Nơi thường trú: Xóm 2, Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

5. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1967; Nơi thường trú: Xóm 1, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

6. Bà Đỗ Thị Th (tên gọi khác là Th1), sinh năm 1951; Nơi thường trú: Xóm 7, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

7. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Xóm 7, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị Th là ông Đỗ Trung Ch, sinh năm 1973; Nơi thường trú: Xóm 2, Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định (văn bản uỷ quyền ngày 26-5-2023);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ, anh Đỗ Trung T, chị Đỗ Thị S, bà Phạm Thị Ch và bà Đỗ Thị G là Ông Đỗ Trung H, sinh năm 1971; Nơi thường trú: Xóm 2, Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định (văn bản uỷ quyền các ngày 29-5-2023 và ngày 30-5-2023).

- *Người kháng cáo:*Ông Đỗ Trung Ch là bị đơntrong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặ tÔng Đỗ Trung H, ông Đỗ Trung Ch và bà Phạm Thị Ch; vắng mặt bà Phạm Thị Đ, bà Đỗ Thị G, anh Đỗ Trung T, chị Đỗ Thị S, bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị Th có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11năm 2021 và lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn cũng là đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị G, bà Phạm Thị Đ, anh Đỗ Trung T, chị Đỗ Thị S là Ông Đỗ Trung H trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Đỗ Trung Kh, chết 1996 và cụ Mai Thị M (tên gọi khác Ng), chết 2006. Bố mẹ ông sinh được 06 người con gồm ông Đỗ Trung T, (đã chết), có vợ là bà Phạm Thị Đ và 02 con là anh Đỗ Trung T và chị Đỗ Thị S), bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Th, bà Đỗ Thị G, Ông Đỗ Trung H và ông Đỗ Trung Ch.

Thửa đất 419, tờ bản đồ số 2, diện tích 1802 m^2, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định có nguồn gốc là của bố mẹ ông. Năm 1990, bố mẹ ông tặng cho vợ chồng ông diện tích đất 767 m^2 đất (gồm có 200 m^2 đất ở, 317 m^2 đất vườn tạp và 250 m^2 đất ao) và cho bà Đỗ Thị T, diện tích đất 140 m^2. Năm 1995, UBND huyện Nam Ninh (nay là huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với diện tích 767m^2. Năm 2004, UBND huyện N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị T diện tích 140 m^2. Diện tích đất của gia đình ông có vị trí: Phía Bắc giáp ruộng 2 lúa; phía Nam giáp đất vườn của bố mẹ ông (cụ Kh); phía Tây giáp đất ao của cụ Kh; phía Đông giáp đất bà O. Đất bà T đang sử dụng có vị trí: Phía Đông giáp đất vườn cụ Kh; phía Nam giáp đất ông Q và Ngõ đi chung; phía Bắc giáp đất của cụ Kh; phía Tây giáp đất ao ông Đ. Phần diện tích đất của cụ Kh còn lại hiện nay gia đình ông Đỗ Trung Ch đang quản lý, sử dụng.

Từ khi gia đình ông sử dụng diện tích đất này từ năm 1990, chỉ sử dụng lối đi duy nhất chạy cắt ngang qua phần đất vườn của cụ Kh và đất ở của bà T ra

ngõ đi chung; vị trí lối đi hiện nay phía Đông giáp đất gia đình ông đang sử dụng dài 3,5m; phía Tây giáp đất bà T dài 2,4 m; phía Bắc giáp đất ông C đang sử dụng dài 8,6 m và phía Nam giáp đất ông C đang sử dụng dài 8,2m.

Quá trình sử dụng lối đi, nhiều lần ông C gây khó khăn, không cho gia đình ông sử dụng lối đi này. Hiện nay gia đình ông sử dụng đất nếu không đi qua đất của cụ Kh và đất bà T thì không còn lối đi nào khác ra ngõ đi chung. Ông C và bà T không nhất trí cho gia đình ông đi lối này, để không ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng đất của bà T và ông C, ông đề nghị mở lối đi khác, vẫn phải đi qua đất của cụ Kh và đất bà T nhưng nằm sát về ranh giới phía Nam phần đất ở của bà T. Ông sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị phần đất lấy làm ngõ cho bà T và những người thừa kế của cụ Kh và cụ M. Ông đề nghị vì lối đi dài và để thuận tiện cho việc sử dụng nên mở ngõ đi rộng 03 m.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đỗ Trung Ch và cũng là người đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T và Đỗ Thị Th trình bày:Nguồn gốc thửa đất đất 419, tờ bản đồ số 02, xã T là của bố mẹ ông (cụ Kh). Bố mẹ ông đã tặng cho cho Ông Đỗ Trung H 767 m^2 và bà Đỗ Thị T 140 m^2 và phần diện tích đất còn lại của cụ Kh ông đang quản lý, sử dụng có diện tích là 895 m^2 (200 m^2 đất ở, 262 m^2 đất vườn và 433m^2 đất ao), có vị trí giáp đất ông H và đất bà T. Vị trí 140 m^2 đất ở của bà T nằm ở đầu Ngõ đi chung và phần đất phía trong bà T đã xây nhà ở.

Ông H sử dụng đất đi qua đất của cụ Kh và đất của bà T đã từ lâu, vì thực tế lối đi ông H sử dụng từ trước đến nay là đất của cụ Kh và đất của bà T nhưng không thể hiện trên bản đồ địa chính. Hiện nay gia đình ông H sử dụng đất không có lối đi ra ngõ đi chung, ông nhất trí cho ông H mở lối đi khác qua đất của cụ Kh và đất của bà T ở vị trí tiếp giáp với ranh giới phía Nam như ông H yêu cầu. Ông chỉ nhất trí cho ông H mượn đất để làm lối đi, không nhất trí nhận tiền giá trị quyền sử dụng đất và không đồng ý cho ông H mở lối đi rộng 03 m, chỉ nhất trí cho ông H mở lối rộng 1,5 m.

* Từ nội dung trên,Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;Điều 171, 203 Luật đất đai 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sảnliền kề".

Buộc gia đình ông Đỗ Trung Ch, bà Đỗ Thị T và những người thừa kế khác của cụ vợ chồng cụ Đỗ Trung Kh là bà Phạm Thị Đ, anh Đỗ Trung T, chị Đỗ Thị S, bà Đỗ Thị Th và bà Đỗ Thị G phải có nghĩa vụ dành một phần diện tích đất 35 m^2 đất ở và 40 m^2 đất vườn thuộc thửa 419, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định cho gia đình Ông Đỗ Trung H mở lối đi ra ngõ đi chung. Bà Đỗ Thị T và các thừa kế khác của vợ chồng cụ Kh được sử dụng lối đi để đi ra ngõ đi chung và đi ra phần diện tích đất đang đứng tên vợ chồng cụ Đỗ Trung Kh.

Lối đi có vị trí: Phía Nam tiếp giáp với Ngõ đi chung dài 2,5 m, giáp đất ông Q dài 9,2 m và giáp với đất cụ Kh dài 16,8 m; phía Bắc giáp với đất bà Đỗ Thị T đang sử dụng dài 11 m, giáp với đất đứng tên vợ chồng cụ Đỗ Trung Kh dài 9,6 m và giáp với đất Ông Đỗ Trung H đang sử dụng dài 5,8 m; phía Tây giáp với đất ông Đ dài 03m.

Ông Đỗ Trung H được sử dụng diện đất 75 m^2 (trong đó có diện tích 7,5m^2 tiếp giáp với ngõ đi chung sử dụng chung với bà Đỗ Thị T) làm lối đi.

Bà Đỗ Thị T và Ông Đỗ Trung H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đã xác định ở trên.

(Kèm theo bản án là sơ đồ lối đi của của gia đình Ông Đỗ Trung H thuộc thửa 419, tờ bản đồ số 2, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định).

Ông Đỗ Trung H và bà Phạm Thị Ch có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đỗ Trung Ch số tiền 5.866.000đ (năm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), bà Đỗ Thị T số tiền 49.541.000đ (bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) và bà Đỗ Thị Th số tiền là 2.666.000đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp đảm bảo thi hành án của các đương sự.

* Ngày 22 tháng 9 năm 2023ông Đỗ Trung Chlà bị đontrong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện N với nội dung: Gia đình ông C chỉ đồng ý việc cho mượn phần đất thổ cư (1,5m chiều ngang) và đất vườn để gia đình Ông Đỗ Trung H có lối đi riêng chứ ông C không đồng ý làm ngõ 3 m và bán đi phần đất đó. Việc đổi phần đất phải được sự thoả thuận hợp lý từ phía hai gia đình, việc làm lối đi riêng phải thuận tiện và hợp lý, ít ảnh hưởng và thiệt hại nhất (gia đình ông H đi trên phần đất nhà ông C thì phải đổi phần đất hiện có để làm ngõ đi riêng).

* Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Đỗ Trung H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông Cđề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm, ông Đỗ Trung Ch vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung:Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị sửa bản án sơ thẩm,xác định yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Trung H về việc đề nghị Toà án xác định cho gia đình ông H có một lối đi qua phần đất vườn của cụ Kh và đất ở

của bà T để đi ra ngõ đi chung là có căn cứ chấp nhận, chỉ mở ngõ đi cho gia đình ông H có chiều rộng 2 m là phù hợp nhưng cần buộc vợ chồng Ông Đỗ Trung H và bà Phạm Thị Ch có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đỗ Trung Ch, bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị Th số tiền tương ứng với diện tích đất vợ chồng ông H, bà Chín được giao sử dụng làm ngõ đi là phù hợp. Kháng cáo của ông Ch có căn cứ chấp nhận một phần. Án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị Th vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho ông Đỗ Trung Ch, bà Phạm Thị Đ, anh Đỗ Trung T, chị Đỗ Thị S, bà Đỗ Thị G vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho ông Ông Đỗ Trung H nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Đỗ Trung Ch làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Trung H khởi kiện yêu cầu xác định lối đi, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ pháp luật:Ông Đỗ Trung Hcó đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cho gia đình ông có lối đi ra đường cộng cộng. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp xác định ngõ đi" với hộ liền kề. Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[5] Xét kháng cáo của ông Đỗ Trung Ch kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện N,đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm dân sự, chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Cthấy rằng: Nguồn gốc diện tích đất 1802 m^2 tại thửa 419, tờ bản đồ 02, xã T là của vợ chồng cụ Kh. Khi hai cụ còn sống đã tặng cho cho Ông Đỗ Trung H diện tích đất 767 m^2 và cho bà Đỗ Thị T diện tích 140 m^2. Năm 1995, Uỷ ban nhân dân huyện Nam Ninh (nay là huyện N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Đỗ Trung H. Năm 2004, UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcho bà Đỗ Thị T. Tuy nhiên, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcho gia đình ông H sử dụng đất, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai do thiếu sót đã không dành diện tích đất làm lối đi ra ngõ đi chung nên gia đình ông H phải đi nhờ cắt ngang qua thửa đất của vợ chồng cụ Kh và thửa đất của bà T, ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, sinh hoạt của bà T và gia đình ông C (hiện nay là người

đang quản lý, sử dụng đất của cụ Kh). Ông H đề nghị được mở lối đi khác thuận tiện nhất, có vị trí nằm ở ranh giới phía Nam, đi qua đất bà T và đất của cụ Kh ra ngõ đi chung, phần đất làm lối đi không ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng đất của bà T, đất của cụ Kh và thanh toán giá trị đất làm lối đi cho bà T và những người thừa kế của vợ chồng cụ Kh, cụ M là phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu xác định phần diện tích đất tiếp giáp với đầu ngõ đi chung có diện tích là (2,5 m x 3 m) = 7,5 m^2 là phần ngõ đi chung của gia đình ông và bà T nên phần diện tích đất này ông sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bà T giá trị của 3,75 m^2 đất. Ông nhất trí cho những người thừa kế của vợ chồng cụ Kh, cụ M được quyền sử dụng lối đi này để sử dụng phần đất ra ngõ đi chung và phần đất còn lại của cụ Kh, cụ M. Xét thấy, yêu cầu này của ông H là hoàn toàn tự nguyện và là tạo điều kiện cho bà T và những người thừa kế của vợ chồng cụ Kh, cụ M sử dụng đất được thuận lợi, nên được chấp nhận.

[6] Gia đình ông H làm nông nghiệp, có sử dụng phương tiện để vận chuyển vật tư nông nghiệp, sản phẩm sau thu hoạch, để thuận tiện trong sinh hoạt, sản xuất, đất yêu cầu dành làm lối đi không có công trình xây dựng kiên cố, nên đề nghị mở lối đi rộng 03 m của ông H là phù hợp nên được chấp nhận, hơn nữa phần đất vườn của vợ chồng cụ Kh, cụ M được Toà án xác định làm ngõ đi cho gia đình ông H lại tiếp giáp với thửa đất của vợ chồng ông H, bà Chín đang sử dụng hiện nay. Nếu sau này các con, cháu của cụ Khoá và cụ M có yêu cầu Toà án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Khoá, cụ M thì có thể chia phần đất vườn còn lại (liền kề với diện tích đất được xác định làm ngõ đi) của vợ cụ Khoá, cụ M cho ông H được quản lý, sử dụng là phù hợp. Ông C nhất trí cho Hoàn mở lối đi ở vị trí như ông H yêu cầu. Tuy nhiên, ông C chỉ nhất trí cho ông H mượn đất, không nhận tiền giá trị quyền sử dụng đất và chỉ chấp nhận mở lối đi rộng 1,5 m là không có cơ sở. Kháng cáo của ông C về nội dung này không được chấp nhận.

[7] Theo yêu cầu của ông H, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 12 tháng 7 năm 2023, phần diện tích đất của bà T và đất của vợ chồng cụ Kh dành ra làm lối đi có vị trí, diện tích và trị giá ông H phải thanh toán như sau:Phía Nam tiếp giáp với Ngõ đi chung dài 2,5 m, đất ông Q 9,2 m; phía Bắc giáp với đất bà T đang sử dụng dài 11 m; phía Tây giáp đất ông Đ dài 03 m; phía Đông giáp đất vườn cụ Kh lấy ra làm lối đi dài 3,7 m. Phần lối đi nằm trên diện tích đất của bà T, có trị giá là: 35 m^2 x 1.500.000đ = 52.500.000đ. vợ chồng ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T giá trị đất là: 52.500.000đ – (7,5 m^2/2 x 1.500.000đ) = 46.875.000đ. Phần lối đi nằm trên diện tích đất vườn của vợ chồng cụ Kh có vị trí, diện tích và trị giá ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế của vợ chồng cụ Kh, cụ M như sau: Phía Bắc giáp đất cụ Kh dài 9,6 m; phía Nam giáp với đất của cụ Kh dài 16,8 m; phía Tây giáp với đất bà T dài 3,7 m; phía bắc giáp đất ông H dài 5,8 m. Ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế của vợ chồng cụ Kh, cụ M đối với diện tích đất này làm lối đi là: Bà T, ông C, ông H, bà Thêu, bà Gái và thừa kế của ông Tươm số tiền là:(40 m^2 x 400.000đ) = 16.000.000đ.

Mỗi suất người thừa kế được thanh toán là: 16.000.000đ : 6 = 2.666.000đ. Bà Gái và những người thừa kế của ông Tươm (gồm có bà Đới, anh Tiên, chị Sinh) không yêu cầu ông H phải thanh toán nên ông H còn phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T, ông C và bà Thêu mỗi người là 2.666.000đ.Ngoài ra ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông C 01 giếng khơi nằm trên phần đất làm lối đi là 3.200.000đ.Số tiền ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T là: (46.875.000đ + 2.666.000đ) = 49.541.000đ, thanh toán cho ông C là2.666.000đ + 3.200.000đ = 5.866.000đ và cho bà Đỗ Thị Th là 2.666.000đ. Tổng cộng là 58.073.000đ là phù hợp pháp luật.

[8] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được pháp luật bảo vệ không bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đỗ Trung Ch cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Ckhông được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phídân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Trung H được chấp nhận nên ông Đỗ Trung Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về yêu cầu mở lối đi. Ông Đỗ Trung H phải nộp án phí giá ngạch tài sản đối với số tiền phải thanh toán là 58.073.000đ x 5% = 2.903.000đ. Số tiền tạm ứng án phí Ông Đỗ Trung H 300.000đ đã nộp sẽ được khấu trừ.

[10]Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đỗ Trung Ch không được chấp nhận nên ông C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông C đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai số 0000578 ngày 22-9-2023, ông Cđãthi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứĐiều 5; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39;Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;Điều 171; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 08-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Trung Ch phải nộp số tiền án phí không có giá ngạch là 300.000đ. Ông Đỗ Trung H phải nộp án phí giá ngạch là 2.903.000đ (hai triệu chín trăm linh ba nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông H đã nộp theo biên lai số 0004935 ngày 18 tháng 4 năm 2023 được khấu trừ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Đỗ Trung Ch phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000578 ngày 22-9-2023của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định. Ông Đỗ Trung Ch đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADShuyện N;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng